TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng – Kiểm sát viên.
Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc ***"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa:
Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tú H – sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu;
Bị đơn: Anh Huỳnh Thế N, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
(Chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/02/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Thế N xây dựng hôn nhân năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh N mâu thuẫn với nhau về chuyện tiền bạc, mâu thuẫn với nhau trong cách sống hàng ngày, từ đó chị và anh N ly thân với nhau khoảng 01 năm nay, nay tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, không ai quan tâm đến ai, do đó chị xác định không thể tiếp tục cuộc

sống hôn nhân với anh N được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh N có hai người con chung tên Huỳnh Bích T, sinh ngày 23/7/2005 và Huỳnh Nguyễn T1, sinh ngày 04/6/2008; cháu T đã thành niên và có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu T1 đang sống ổn định với anh N nên chị giao cho anh N tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh N tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Thế N trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian xây dựng hôn nhân, thống nhất anh và chị H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, anh thừa nhận anh và chị H có sảy ra mâu thuẫn như chị H trình bày, nhưng những mâu thuẫn trên không đáng kể, anh và chị Huỳnh ly t khoảng 01 năm nay, anh có gọi điện thoại để hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng nhưng chị H không đồng ý. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh thống nhất với chị H về con chung như chị H trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh, anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nguyễn T1, sinh ngày 04/6/2008, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Huỳnh ly h với anh, anh thống nhất với chị H là không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh và chị H sẽ tự thỏa thuận với nhau. *nợ chung:* Anh và chị H không nợ chung ai và cũng không ai nợ chung anh và chị H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh N. Đề nghị giao Huỳnh Nguyễn T1, sinh ngày 04/6/2008 cho anh N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Án phí chị H phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Nguyễn Tú H yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Huỳnh Thế N, anh N có địa chỉ tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N thống nhất trình bày anh, chị xây dựng hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa chị và anh N phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó ly thân với nhau khoảng 01 năm nay, trong thời gian ly thân mỗi người sống một nơi không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án cũng đã tổ chức cho chị H và anh N hòa giải để hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh N, anh N không đồng ý ly hôn nhưng không còn biện pháp nào hàn gắn lại hôn nhân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị H và anh N thống nhất thỏa thuận khi ly hôn anh N tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nguyễn T1, sinh ngày 04/6/2008, đều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh N, giao cháu T1 cho anh N được tiếp tục chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng. Đối với cháu T đã thành niên, anh N và chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị H phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tú H được ly hôn với anh Huỳnh Thế N.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn T1, sinh ngày 04/6/2008 cho anh N được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí*:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải nộp 300.000đ, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008460 ngày 16 tháng 02 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- UBND xã Tân Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung